

Số: **104/2024/QĐ-PT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Thị Thùy Dung**

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Vũ Thị Hường

Thư ký ghi biên bản: Ông Nguyễn Đức Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 140/2023/QĐST-KDTM ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 353/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu” giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C; Địa chỉ: Đường Đ, Tổ H, khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đông D – Tổng giám đốc; Địa chỉ: Tổ A, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thiện Đ; Địa chỉ: Số A đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần S1; Địa chỉ: 4 – 6 đường H, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Minh S – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ: Số E đường T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 20/9/2023, ông Nguyễn Đông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần C đã kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 140/2023/QĐST-KDTM ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân

Quận 1 với lý do Công ty C không nhận được văn bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra đối với hoạt động kinh doanh của Công ty U trong việc ủy thác xuất nhập khẩu cao su cho Công ty C nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn vì vậy không có lý do để đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

XÉT THẤY:

1. Về hình thức:

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 140/2023/QĐST-KDTM ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ cho Công ty Cổ phần C.

Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần C nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

2. Về nội dung:

- Ngày 05/5/2020, nguyên đơn có Đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 6.600.975 đồng, gồm: 154.196 USD tương đương 3.568.095.000 đồng còn nợ của ba Hợp đồng ủy thác xuất khẩu số 01/UTXK/UP-SB ngày 18/6/2010, số 02/UTXK/UP-SB ngày 22/6/2010 và số 03/UTXK/UP-SB ngày 09/7/2010 và 3.032.880.750 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 01/02/2020 theo lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

- Ngày 11/8/2023, Tòa án nhân dân Quận 1 ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 140/2023/QĐST-KDTM.

Hội đồng phúc thẩm xét thấy:

- Nguyên đơn là Công ty Cổ phần C và bị đơn là Công ty Cổ phần S1 (do ông Trương V là người đại diện theo pháp luật) có ký ba Hợp đồng ủy thác xuất khẩu số 01/UTXK/UP-SB ngày 18/6/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01/PL-UTXK/UP-SB/2010 ngày 09/7/2010, số 02/UTXK/UP-SB ngày 22/6/2010; Văn bản ngày 24/6/2010, số 03/UTXK/UP-SB ngày 09/7/2010 và Phụ lục hợp đồng số 02/PL-UTXK/UP-SB/2010 ngày 09/7/2010.

- Ngày 15/12/2010, nguyên đơn có Văn bản số 84/CV-CSSB-KH yêu cầu bị đơn hợp tác xử lý số tiền còn lại cho nguyên đơn chậm nhất vào ngày 20/12/2010.

- Ngày 26/10/2012, nguyên đơn và bị đơn (do ông Trương V là người đại diện theo pháp luật) đã ký ba Biên bản đối chiếu công nợ.

- Ngày 19/12/2012, hai bên ký Biên bản làm việc tính đến ngày 19/12/2012, bị đơn còn nợ nguyên đơn 154.196 USD, bị đơn sẽ thanh toán dần theo tiến độ đến hết Quý I, cam kết mỗi tháng thanh toán 50.000 USD.

- Ngày 09/5/2013, hai bên ký Biên bản làm việc, nội dung: Theo cam kết biên bản làm việc ngày 19/12/2012, bị đơn thanh toán hết công nợ còn lại 154.196 USD trong Quý II/2013; Tuy nhiên, bị đơn không thanh toán; Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán hết số công nợ còn lại trong quý 2/2013, nếu không sẽ khởi kiện; Ý kiến của bị đơn: Hiện nay, do bị đơn mới thay đổi nhân sự về Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời bị đơn đang thực hiện kiểm toán 03 năm từ năm 2010 đến năm 2012, do đó sau khi kiểm toán xong bị đơn sẽ tiến hành thực hiện như đã cam kết trên và đề nghị nguyên đơn cơ cấu cho thanh toán theo tiến độ trong thời gian sớm nhất.

- Ngày 12/8/2013, bị đơn có Văn bản với nội dung: Trước mắt, bị đơn chưa đủ điều kiện xác nhận và thanh toán các khoản công nợ phát sinh trong giai đoạn từ ngày 30/3/2013 trở về trước là thời kỳ ông Trương V nắm quyền điều hành công ty.

- Ngày 05/5/2020, nguyên đơn có Đơn khởi kiện yêu cầu Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 6.600.975 đồng, gồm: 154.196 USD tương đương 3.568.095.000 đồng còn nợ của ba Hợp đồng ủy thác xuất khẩu số 01/UTXK/UP-SB ngày 18/6/2010, số 02/UTXK/UP-SB ngày 22/6/2010 và số 03/UTXK/UP-SB ngày 09/7/2010 và 3.032.880.750 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 01/02/2020 theo lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 4103001214 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27/3/2009 và mã số doanh nghiệp C1 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 29/4/2011 thì người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trương V; Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302737777 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/5/2013 đến nay thì người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Cao Minh S. Do đó, có căn cứ xác định Biên bản làm việc ngày 19/12/2012 và ngày 09/5/2013 không phải do người đại diện theo pháp luật của bị đơn thời điểm này ký.

- Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 17/KLĐT-CSKT-P10 ngày 11/5/2021 và Cáo trạng số 28/CTr-VKSTC-V3 ngày 07/7/2021 và lời thừa nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại Bản tường trình ngày 30/6/2023 thể hiện ba hợp đồng ủy thác xuất khẩu nêu trên không liên quan đến vụ án hình sự nêu trên. Đồng thời, theo Văn bản ngày 12/8/2013, bị đơn xác định chưa đủ điều kiện xác nhận và thanh toán các khoản công nợ phát sinh trong giai đoạn từ ngày 30/3/2013 trở về trước là thời kỳ ông Trương V nắm quyền điều hành công ty. Do đó, thời gian Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành điều tra theo trình tự thủ tục tố tụng của vụ án hình sự không được xem là trở ngại khách quan và vẫn tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự.

Như vậy, từ ngày 26/10/2012, nguyên đơn đã biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nhưng vẫn không khởi kiện. Theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự

năm 2015, thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là ba năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là ngày 26/10/2012. Do đó, đến ngày 05/5/2020, nguyên đơn mới gửi đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Ngày 01/6/2023, bị đơn có Đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 1 áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn là có căn cứ.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng phúc thẩm xét kháng cáo chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần C về việc hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 140/2023/QĐST-KDTM ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1.

3. Về án phí: Do giữ nguyên quyết định sơ thẩm bị kháng cáo nên Công ty Cổ phần C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần C:

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 140/2023/QĐST-KDTM ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần C chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0044581 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Công ty Cổ phần C đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V/15).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Thùy Dung